

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi  
ngân sách huyện 9 tháng đầu năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính  
về việc hướng dẫn Công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 405/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của HĐND huyện  
Xuân Lộc Khóa VI Kỳ họp thứ 14 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa  
bàn, thu - chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách huyện và  
mức bổ sung ngân sách các xã, thị trấn huyện Xuân Lộc năm 2020;*

*Xét đề nghị của phòng Tài chính – Kế hoạch,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách huyện 9 tháng đầu năm 2020 (chi tiết số liệu theo các biểu mẫu số 93, 94 và 95 quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC đính kèm quyết định này).

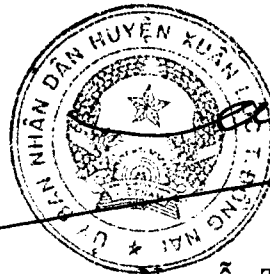
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. *mm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các phó CT.UBH;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Các đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn thuộc huyện;
- Công thông tin điện tử huyện (t/ hiện công khai);
- Lưu: Văn phòng HĐND&UBND, Phòng TC-KH. *uh*



**Nguyễn Thị Cát Tiên**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(đính kèm Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2020	Thực hiện 9 tháng đầu năm	So sách thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	4	5
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>911.000</b>	<b>1.056.265</b>	<b>115,9</b>	<b>109,3</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>276.380</b>	<b>188.535</b>	<b>68,2</b>	<b>161,2</b>
1	Thu NSDP hưởng 100%	131.950	110.584	83,8	
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	144.430	77.951	54,0	
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>606.230</b>	<b>399.653</b>	<b>65,9</b>	<b>100,0</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	526.512	351.009	66,7	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	27.000	13.500	50,0	
3	Bổ sung từ nguồn tiền lương của tỉnh	52.718	35.144	66,7	
<b>III</b>	<b>Thu từ nguồn thu tại huyện</b>	<b>28.390</b>			
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>265.321</b>		
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>202.756</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>896.282</b>	<b>647.649</b>	<b>72,3</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>765.144</b>	<b>573.631</b>	<b>75,0</b>	<b>91,4</b>
1	Chi đầu tư phát triển	142.442	104.115	73,1	89,3
2	Chi thường xuyên	585.182	461.788	78,9	95,3
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	7.728	7.728	100,0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	15.492			
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	14.300			
<b>II</b>	<b>Chi bổ sung cho ngân sách xã</b>	<b>131.138</b>	<b>74.018</b>	<b>56,4</b>	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC**

**Biểu số 94/CK-NSNN**

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**  
(đính kèm Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>370.950</b>	<b>278.687</b>	<b>75,13%</b>	<b>144,76%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>370.950</b>	<b>278.687</b>	<b>75,13%</b>	<b>144,76%</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	119.500	76.133	63,71%	129,65%
4	Thuế thu nhập cá nhân	70.500	60.307	85,54%	280,48%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	120.000	97.918	81,60%	126,65%
7	Thu phí, lệ phí	10.000	6.451	64,51%	113,69%
8	Các khoản thu về nhà, đất	30.950	25.375	81,99%	120,90%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		17		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	800	849	106,13%	115,83%
-	Thu tiền sử dụng đất	30.000	24.509	81,70%	121,00%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt bằng	150			
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xử số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	20.000	12.503	62,52%	150,29%
11	Thu từ quỹ công ích, hoa lợi công sản khác				
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>276.380</b>	<b>188.535</b>	<b>68,22%</b>	<b>223,28%</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	144.430	77.951	54,0	86,00%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	131.950	110.584	83,8	130,96%

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC**

**Biểu số 95/CK-NSNN**

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

(đính kèm Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	Thực hiện chi 9 tháng đầu năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>1.092.586</b>	<b>702.410</b>	<b>64,3</b>	<b>104,0</b>
<b>I</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>905.815</b>	<b>573.631</b>	<b>63,3</b>	<b>156,8</b>
<b>1</b>	<b>Chi xây dựng cơ bản</b>	<b>174.442</b>	<b>104.115</b>	<b>59,7</b>	<b>256,9</b>
	- Nguồn tập trung	129.442	51.105	39,5	
	- Nguồn thu tiền sử dụng đất	18.000	2.556	14,2	
	- Nguồn xổ số kiến thiết	27.000	12.510	46,3	
	- Chi XDCB chuyển nguồn		37.944		
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>693.853</b>	<b>461.788</b>	<b>66,6</b>	<b>156,4</b>
<b>a</b>	<b>Chi các hoạt động kinh tế</b>	<b>71.689</b>	<b>34.124</b>	<b>47,6</b>	
	- Sự nghiệp Lâm nghiệp	3.260	2.848	87,4	
	- Sự nghiệp Nông nghiệp	10.000	2.347	23,5	
	- Sự nghiệp Thủy lợi	7.110	64	0,9	
	- Sự nghiệp giao thông	23.734	13.732	57,9	
	- SN kiến thiết thị chính	20.388	11.604	56,9	
	- Sự nghiệp địa chính, QH và khác	7.197	3.529	49,0	
<b>b</b>	<b>Chi sự nghiệp môi trường</b>	<b>30.707</b>	<b>995</b>	<b>3,2</b>	
<b>c</b>	<b>Chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề</b>	<b>5.578</b>	<b>1.659</b>	<b>29,7</b>	
<b>d</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục</b>	<b>414.315</b>	<b>297.487</b>	<b>71,8</b>	
<b>e</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế</b>	<b>8.662</b>	<b>7.016</b>	<b>81,0</b>	
<b>f</b>	<b>Chi sự nghiệp VH TT</b>	<b>9.268</b>	<b>7.384</b>	<b>79,7</b>	
<b>g</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh - TH</b>	<b>540</b>	<b>373</b>	<b>69,1</b>	
<b>h</b>	<b>Chi sự nghiệp TDTT</b>	<b>900</b>	<b>768</b>	<b>85,3</b>	
<b>i</b>	<b>Chi đảm bảo xã hội</b>	<b>67.820</b>	<b>57.418</b>	<b>84,7</b>	
<b>i</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>65.098</b>	<b>41.266</b>	<b>63,4</b>	
	- Quản lý nhà nước	43.271	24.918	57,6	
	- Ngân sách Đảng	14.407	9.692	67,3	
	- Đoàn thể và các hội	7.420	6.656	89,7	
<b>j</b>	<b>Chi an ninh quốc phòng</b>	<b>13.837</b>	<b>8.368</b>	<b>60,5</b>	
	- Chi an ninh	3.002	1.669	55,6	
	- Chi quốc phòng	10.835	6.699	61,8	
<b>k</b>	<b>Chi khác</b>	<b>5.439</b>	<b>4.930</b>	<b>90,6</b>	
<b>3</b>	<b>Chi hoàn trả vốn vay cho tỉnh</b>	<b>7.728</b>	<b>7.728</b>		

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	Thực hiện chi 9 tháng đầu năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ
<b>4</b>	<b>Chi dự phòng</b>	<b>15.492</b>	<b>0</b>		
<b>5</b>	<b>Nguồn thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>14.300</b>	<b>0</b>		
<b>II</b>	<b><u>CHI NGÂN SÁCH XÃ</u></b>	<b>186.771</b>	<b>128.779</b>	<b>69,0</b>	<b>105,1</b>
1	Chi đầu tư	34.676	21.616	62,3	63,8
	- Chi nguồn ngân sách	34.676	19.026	54,9	
	- Chi nguồn dân góp		2.590		
2	Chi thường xuyên	149.725	105.786	70,7	119,4
3	Chi nộp NS cấp trên		1.377		
4	Chi dự phòng	2.370			
<b>III</b>	<b><u>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS CẤP TRÊN</u></b>				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình, dự án quản trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				